CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89/2023/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

"1. Tổ chức, cá nhân tổ chức vận động sáng tác, trại sáng tác, thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 văn bản thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 9 như sau:

"b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận văn bản thông báo đối với vận động sáng tác, trại sáng tác, thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam không thuộc quy định tại điểm a khoản này.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 10 như sau:

"2. Tổ chức (bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương) đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan với danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 văn bản thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Văn bản thông báo nêu rõ thông tin của tổ chức, cá nhân tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh, tên gọi, chủ đề, nội dung, thời gian, địa điểm của cuộc thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh.

Văn bản thông báo kèm theo:

a) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả);

b) Ảnh sẽ dự thi, liên hoan có chú thích: Ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18 cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử);

c) Thư mời, thể lệ của cuộc thi, liên hoan đã được dịch ra tiếng Việt.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

"3. Tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng);

c) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích: Ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18 cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử);

d) Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm;

đ) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khỏa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm.".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11 như sau:

"b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép đối với triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh không thuộc quy định tại điểm a khoản này.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 11 như sau:

"5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép có trách nhiệm phản hồi lại về việc đã nhận được hồ sơ cho tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

"3. Tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng);

c) Ảnh sẽ triển lãm có chú thích: Ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13 x 18 cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử);

d) Thư mời, thông báo, sách ảnh (nếu có), văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt;

đ) Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khỏa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm.".

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 12 như sau:

"b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép đối với hoạt động đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không thuộc quy định tại điểm a khoản này.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12 như sau:

"5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép có trách nhiệm phản hồi lại

về việc đã nhận được hồ sơ cho tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.”.

10. Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý nhà nước” bằng “cơ quan nhà nước” tại khoản 1 Điều 11; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 13; khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 14.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt chi nhánh;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã cấp Giấy chứng nhận;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản sao Giấy chứng

nhận đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết và thẩm quyền:

a) Ít nhất 45 ngày làm việc trước ngày Giấy chứng nhận hết thời hạn, cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã cấp Giấy chứng nhận;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc thư điện tử cho cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam để bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gia hạn Giấy chứng nhận và gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.”.

4. Bãi bỏ cụm từ “chi nhánh” tại khoản 2 Điều 21.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“**Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh; quản lý, đình chỉ, chấm dứt hoạt động của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trụ sở tại địa phương.

2. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan quản lý cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động do cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam tổ chức tại địa phương.

3. Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, tổng hợp và gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo bằng văn bản theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước về tình hình và kết quả hoạt động trong năm tính đến hết ngày 30 tháng 11 của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.”.

6. Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch”, “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” bằng “cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 8 và khoản 2 Điều 12 Nghị định này” tại Điều 19.

7. Sửa đổi, bổ sung một số mẫu như sau:

a) Sửa đổi Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sửa đổi Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Sửa đổi Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh, Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục có hiệu lực cho đến hết thời hạn ghi trên Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh, Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

b) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh, Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam gửi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)

...(1)... ..... *ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép/Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của.....(2)/(3).....

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép)……..

...(2)/(3)... đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép/Giấy chứng nhận số..... ngày ... tháng ... năm .....

...(1)... trân trọng đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép)..... cấp lại/gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép/Giấy chứng nhận cho....(2)/(3)... với các nội dung sau:

Nội dung đề nghị:.....(4) .....

Lý do:.....(5) .....(1)... cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đề nghị.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

.....(1).....

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đề nghị thành lập cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam hoặc chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

(2) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

(3) Tên chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

(4) Nội dung đề nghị (cấp lại hoặc gia hạn);

(5) Lý do đề nghị (cấp lại hoặc gia hạn).

Phụ lục II

(Kèm theo Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)

...(1)... ..... *ngày* ..... *tháng* ..... *năm* .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh ....(1)....

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép)……..

...(1)... đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép số ngày ... tháng ... năm ....

...(1)... trân trọng đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép)..... cho phép thành lập chi nhánh như sau:

1. Tên chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

- Tên bằng tiếng Việt:.....

- Tên bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng quốc gia có đơn đề nghị:.....
.....

- Tên viết tắt (nếu có): .....

- Địa chỉ dự kiến: .....

- Điện thoại:…...…… Fax…… E-mail…… Website:.....

2. Tôn chỉ, mục đích hoạt động của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

3. Nội dung hoạt động của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:.....

4. Họ tên người đứng đầu chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:
.....

- Giới tính: Nam/nữ.....

- Sinh ngày.../.../... Quốc tịch:.....

- Hộ chiếu số:.....

- Ngày cấp..../..../.... Nơi cấp:.....

- Ngày hết hạn ..../..../ .....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở nước ngoài (đối với cơ sở văn hóa nước ngoài do cá nhân đề nghị thành lập):

- Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam: (nếu có).....

..... (1)..... cam đoan những thông tin trên đây là hoàn toàn đúng sự thật.... (1)... xin chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
……(1)……
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Phụ lục III

(Kèm theo Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày .... tháng .... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA.....(2).....

Số:.....(3).....

(1)

Căn cứ Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số…./2023/NĐ-CP ngày….. tháng…. năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký/Giấy phép của.....(4).....;

Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động cho..... (2)..... với những nội dung sau:

1. Tên Chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam (tiếng Việt):

.....(2).....

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Tên viết tắt (nếu có):.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Fax..... Email:..... Website.....

- Người đứng đầu chi nhánh:.....

+ Họ và tên: .....

+ Ngày sinh:...../...../..... Quốc tịch:.....

+ Hộ chiếu số:.....

+ Ngày cấp..../..../.... Nơi cấp:.....

+ Ngày hết hạn...../..../……:.....

+ Địa chỉ đăng ký cư trú tại Việt Nam: (nếu có).....

2. Nội dung hoạt động:.....

3. Giấy chứng nhận có hiệu lực: từ ngày..... tháng.... năm.... đến ngày... tháng... năm .....

4. .....(2)..... không có tư cách pháp nhân, hoạt động theo nội dung và thời hạn ủy quyền của.....(4)....., quy định tại Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số…../2023/NĐ-CP ngày…. tháng… năm 2023 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

(1)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận;

(2) Tên chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam;

(3) Số Giấy chứng nhận;

(4) Tên cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.